

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày 03-6-2026

V/v Không công nhận hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Tha Mlô;

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H, xã M, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn H, xã M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L trình bày: Ông Nguyễn Văn L với bà Trần Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông L với bà N đã sống ly thân từ năm 2024 cho tới nay. Nay, xét thấy tình cảm không còn ông L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân L với bà Trần Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống có 04 con chung: Cháu Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1997; cháu Nguyễn Trung K, sinh năm 2002; cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thị Hương G đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Nguyên vọng của ông Nguyễn Xuân L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan A cho đến

khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập họp lệ bà Trần Thị N. Tuy nhiên, bà Trần Thị N vắng mặt không lý do nên không lấy được ý kiến của bà Trần Thị N.*

- *Kết quả xác minh ngày 25/3/2026 tại UBND xã M, tỉnh Đắk Lắk:* Qua kiểm tra sổ sách được lưu trữ, phần mềm quản lý hộ tịch, từ năm 1996 cho tới thời điểm xác minh không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Xuân L với bà Trần Thị N.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Ông L với bà N sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996 cho tới nay. Mặc dù, có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà không thực hiện. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ năm 2024 cho tới nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị N.

Về con chung: Có 04 con chung: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1997; anh Nguyễn Trung K, sinh năm 2002; chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại anh Nguyễn Xuân Đ, anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị Hương G đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008 cho ông Nguyễn Xuân L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên. Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án án: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” và bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L với bà N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho tới nay nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng ông L, bà N không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2024 cho tới nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Ông L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N là đúng quy định của khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân L.

[2.2] Về con chung: Có 04 con chung: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1997; anh Nguyễn Trung K, sinh năm 2002; anh Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại anh Nguyễn Xuân Đ, anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị Hương G đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi ông L và bà N sống ly thân nhau (năm 2024) cho tới nay thì ông L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lan Anh. Xét thấy, để đảm bảo cho cuộc sống, học tập được ổn định và sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần của cháu nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Lan A cho ông Nguyễn Xuân L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân L với bà Trần Thị N.

2. Về con chung: Có 04 con chung: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1997; anh Nguyễn Trung K, sinh năm 2002; anh Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại anh Nguyễn Xuân Đ, anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị Hương G đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/6/2008 cho ông Nguyễn Xuân L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005864 ngày 19/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã, phường nơi họ cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Xuân Hải